

Quản lý các tổ chức xã hội - nghề nghiệp hiện nay thực trạng và những vấn đề đặt ra

Nguyễn Dương Hùng*

Nhận ngày 23 tháng 8 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 4 năm 2022.

Tóm tắt: Xu hướng dân chủ hóa ở Việt Nam, nhất là kể từ khi đổi mới đến nay, đã xuất hiện nhiều loại hình tổ chức xã hội nói chung, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng. Sự ra đời của các tổ chức trên dẫn tới yêu cầu quản lý của Nhà nước, không chỉ trong quá trình xin phép thành lập, mà còn ngay trong cả quá trình hoạt động của chúng. Việc quản lý các tổ chức xã hội nói chung, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng ở Việt Nam trong thời gian vừa qua tuy đạt được nhiều thành tựu, song cũng tồn tại những hạn chế nhất định, đồng thời, cũng xuất hiện những vấn đề đặt ra. Bài viết này góp phần làm rõ tình hình quản lý các tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở nước ta hiện nay và những vấn đề đặt ra trong quá trình quản lý trên.

Từ khóa: Tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quản lý, quản lý tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: The trend of democratization in Vietnam, especially since the renovation until now, has witnessed the appearance of several types of social organizations in general and socio-professional organizations in particular. The establishment of the above organizations led to the management requirements of the State, not only in the process of obtaining permission to establish, but also in the process of their operation. The management of social organizations in general and socio-professional organizations in particular in Vietnam in recent years has achieved many achievements, but there are certain limitations as well as some issues need to be addressed. This article contributes to clarifying the current management situation of socio-professional organizations in Vietnam and the issues posed in the above management process.

Keywords: Socio-professional organization, management, management of socio-professional organizations.

Subject classification: Politics

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Email: hungnd66@gmail.com

1. Mở đầu

Ở Việt Nam hiện nay, trước xu hướng ngày càng gia tăng các loại hình tổ chức xã hội nói chung, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng, thì vấn đề định hướng hoạt động của chúng để vừa phát huy được tối đa vị trí, vai trò của các tổ chức này trong đời sống xã hội, vừa phù hợp với các định hướng, yêu cầu phát triển xã hội của Đảng và Nhà nước, là một yêu cầu quan trọng. Điều này, một mặt vừa thể hiện được quá trình mở rộng dân chủ trong đời sống xã hội, mặt khác, cũng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2. Thành tựu trong quản lý các tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở Việt Nam hiện nay

Nhất quán quan điểm “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, ở Việt Nam, việc Hiến định quyền lập hội của công dân và được bảo đảm thực hiện trong thực tiễn là một trong những chỉ số về dân chủ, thực thi quyền làm chủ của nhân dân. Sự ra đời của những tổ chức xã hội nói chung, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng, với các phạm vi hoạt động trên cả nước và ở từng địa phương cho thấy, nhu cầu và việc thực thi dân chủ ngày càng được mở rộng. Hơn nữa, việc các tổ chức này hoạt động có hiệu quả, một mặt, nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhóm xã hội nói chung, nhóm xã hội - nghề nghiệp nói riêng, mặt khác, cũng cho thấy, hiệu quả định hướng và quản lý của Nhà nước đã bước đầu có những phù hợp nhất định. Điều này thể hiện:

Thứ nhất, tuy chưa có một luật riêng về quyền lập hội để công dân thực thi quyền và trách nhiệm của mình cũng như tạo điều kiện cho việc quản lý, định hướng và xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động của các hội mang tính chất tổ chức xã hội nói chung, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng, song nhiều quy định trong Hiến pháp và pháp luật đã tạo khung pháp lý cho việc lập hội và các hoạt động của hội. Chẳng hạn, nhiều bản Hiến pháp Việt Nam có quy định quyền được lập hội của công dân, tuy nhiên, để được lập hội, thực hiện các hoạt động của hội, công dân phải tuân theo quy định trong các văn bản pháp luật khác, nhất là việc thành lập và tổ chức hoạt động của các hội mang tính đặc thù hoặc liên quan trực tiếp đến thể chế, đạo đức xã hội...

Nếu như trong thời bao cấp, tuy quyền lập hội đã được Hiến định, song trên thực tiễn, việc thực hiện quyền này rất khó và hầu như ít được thực hiện. Điều này có nhiều lý do, song một trong những lý do là do những định kiến về tư tưởng khi cho rằng, thành lập hội không khác nào việc các cá nhân muốn liên kết và tập hợp lực lượng để tạo sức mạnh chính trị riêng, nhằm đi chệch hướng lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước; hay gây sức ép, thách thức quyền lực với chính quyền nhân dân. Song thực tiễn đã chứng minh tính tất yếu của quyền dân chủ của công dân thông qua việc thực hiện các quyền tự do, dân chủ, trong đó có quyền lập hội. Sự xuất hiện đa dạng các hội với các mục tiêu khác nhau của công dân từ sau Đổi mới (1986); của các tổ chức phi chính phủ (NGO), hoạt động dưới sự bảo trợ của các hội chính thống của Nhà nước... và những hiệu quả qua sự đáp ứng phù hợp nhu cầu của người dân và những góp phần hỗ trợ cho Nhà nước trong nhiều lĩnh vực của đời sống

xã hội, là những minh chứng cho việc mở rộng dân chủ trong xã hội. Và, Nhà nước, với tư cách là bộ máy, vừa bảo đảm thực thi dân chủ, vừa thực hiện chức năng quản lý nhà nước, phải tạo những cơ sở pháp lý và điều kiện để thực thi quyền dân chủ, trong đó có quyền lập hội cho công dân. Kết quả là, nhiều quy định trong luật về quyền lập hội, tổ chức và hoạt động, trách nhiệm của các hội, của các cơ quan quản lý nhà nước... đã ra đời và luôn được sửa chữa, bổ sung, phát triển phù hợp với thực tiễn trong nước và thế giới, nhất là khi Việt Nam tham gia nhiều hiệp định quốc tế và khu vực, trong đó có các quy định liên quan đến quyền công dân và sự thành lập các hội.

Ngày 20/5/1957, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Sắc lệnh số 102/SL/L004 để ban bố Luật quy định quyền lập hội và đã được Quốc hội biểu quyết trong khoá họp thứ VI. Trong lịch sử lập pháp của nhà nước Việt Nam hiện đại, kể từ năm 1945 cho đến thời điểm đó, thì đây là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất điều chỉnh các hoạt động liên quan đến quyền lập hội (chỉ sau Hiến pháp). Sau hơn 60 năm ban hành thì văn bản này hiện nay vẫn còn hiệu lực, vẫn là căn cứ pháp lý để Nhà nước ban hành các văn bản thấp hơn điều chỉnh các hoạt động có liên quan. Có lẽ đây là một trong những văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành lâu nhất trong lịch sử lập pháp của nước Việt Nam hiện đại. Văn bản này có 12 điều, rất ngắn gọn, súc tích (chưa đến 1.000 từ) nhưng chứa đựng những nội dung rất quan trọng về quyền lập hội.

Luật này khẳng định: “Mọi người đều có quyền lập hội, trừ những người mất quyền công dân hoặc đang bị truy tố trước pháp luật. Mọi người có quyền tự do vào hội thành lập hợp pháp, và có quyền tự do ra hội. Không ai được xâm phạm quyền lập hội và quyền tự do vào hội, ra hội của người khác” (Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, 1957). Để đảm bảo thực hiện quyền lập hội của người dân cũng như lợi ích chung của các cá nhân và tổ chức, Luật cũng quy định rõ ràng mục đích của việc lập hội phải phù hợp với lợi ích của nhân dân, đoàn kết nhân dân, góp phần xây dựng chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta. Luật cũng quy định các chế tài xử lý những vi phạm liên quan đến các quyền lập hội như các hành vi xâm phạm quyền lập hội, quyền tự do ra vào hội; lợi dụng quyền lập hội để hoạt động nguy hại đến lợi ích nước nhà, lợi ích nhân dân; hội hoạt động không đúng điều lệ, hoạt động khi chưa được cho phép...

Bên cạnh Luật về quyền lập hội, nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội cũng chứa đựng một số nội dung liên quan đến các tổ chức quần chúng, tạo ra khung pháp lý điều chỉnh trên nhiều phương diện khác nhau trong hoạt động của các tổ chức quần chúng. Tiêu biểu nhất là Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. Đây là văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất, điều chỉnh những vấn đề chung nhất trong đời sống xã hội, trong đó có các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân, quyền tham gia các hội hoặc lập hội... Khoản 1, Điều 14, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (Quốc hội, 2013a, tr.6).

Trong Bộ luật Dân sự, tại chương IV (về Pháp nhân), cũng quy định rõ việc thành lập của các pháp nhân phi thương mại (trong đó, tổ chức xã hội - nghề nghiệp là một loại pháp nhân phi thương mại); quy định về điều lệ pháp nhân, tên gọi pháp nhân, trụ sở pháp nhân,

quốc tịch pháp nhân, tài sản pháp nhân... (từ Điều 77 đến Điều 96) (Quốc hội, 2015, tr.26-30). Điều 76 quy định rõ về pháp nhân phi thương mại bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, doanh nghiệp xã hội và các tổ chức phi thương mại khác; là pháp nhân không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận; nếu có lợi nhuận thì cũng không được phân chia cho các thành viên; việc thành lập, hoạt động và chấm dứt pháp nhân phi thương mại được thực hiện theo quy định của Bộ luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trách nhiệm dân sự của pháp nhân tại Điều 87 với 4 nội dung cũng được quy định rõ (Quốc hội, 2015).

Như vậy, trong các quy định liên quan đến pháp nhân phi thương mại, có quy định liên quan đến các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Vì vậy, việc thành lập, hoạt động và chấm dứt pháp nhân phi thương mại là các tổ chức xã hội - nghề nghiệp phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật này và các luật khác có liên quan. Nó đòi hỏi việc thành lập phải được thực hiện theo đúng trình tự; việc xác định điều lệ, tên gọi, trụ sở, quốc tịch, tài sản, cơ cấu tổ chức, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện, năng lực pháp luật dân sự, trách nhiệm dân sự, hợp nhất, chia tách, sáp nhập, chuyển đổi hình thức hoạt động, giải thể cũng phải theo đúng quy định của luật này các các luật khác có liên quan.

Nhiều luật cũng có các quy định cụ thể liên quan đến hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Điều 8, Luật Báo chí năm 2016, quy định rõ về Hội Nhà báo Việt Nam - tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của các nhà báo, với các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, như: Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; Ban hành và tổ chức thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp của người làm báo; Tham gia ý kiến xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển báo chí, văn bản quy phạm pháp luật về báo chí; Tham gia thẩm định sản phẩm báo chí khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và nghiệp vụ báo chí cho hội viên... (Quốc hội, 2016a).

Luật Công đoàn năm 2013 cũng có nhiều quy định liên quan đến tổ chức xã hội - nghề nghiệp, như Điều 3 về *đối tượng áp dụng*, Điều 7 về *hệ thống tổ chức Công đoàn* (Quốc hội, 2013b). Cũng tương tự như trên, Luật Luật sư năm 2016 cũng có nhiều quy định liên quan đến tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, như: Điều 1 quy định về *phạm vi điều chỉnh* và Điều 6 quy định về *nguyên tắc quản lý luật sư và hành nghề luật sư* cũng quy định về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; Điều 7 quy định rõ về *tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư* là tổ chức “được thành lập để đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ luật sư, giám sát việc tuân theo pháp luật, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, thực hiện quản lý hành nghề luật sư theo quy định của Luật này. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư là Đoàn luật sư ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Liên đoàn Luật sư Việt Nam” (Quốc hội, 2016b). Ngoài ra, còn nhiều quy định liên quan đến tổ chức và hành nghề của luật sư và đoàn luật sư, như: Điều 35 về *đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư*; Điều 36 về *thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư*; Điều 37 về *cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư*; Điều 38 về *công bố nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư*; Chương V về *tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư* (ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và toàn quốc) (Quốc hội, 2016b); v.v..

Quy định trong Hiến pháp và các bộ luật nêu trên là cơ sở để công dân thành lập các tổ chức xã hội nói chung, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng và tổ chức, hoạt động các hội; đồng thời là căn cứ pháp lý cho nhà nước trong quản lý và định hướng các hoạt động của các tổ chức này.

Thứ hai, không chỉ có các quy định của pháp luật, quy trình thành lập và cơ cấu tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội nói chung, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cũng được quy định rõ bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các quy định về điều lệ theo từng ngành nghề, nhóm ngành nghề đặc thù do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp phép là cơ sở cho công dân thực hiện quyền lập hội của mình, các tổ chức xã hội nói chung, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có cơ sở để hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, đáp ứng nhu cầu không chỉ của từng tổ chức cụ thể mà còn đáp ứng nhu cầu chung của sự phát triển xã hội. Hơn nữa, đây còn là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước định hướng và quản lý hoạt động của chính các hội này. Nguyên tắc mọi người được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, song đối với các tổ chức xã hội nói chung, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng chỉ được phép làm những gì mà Hiến pháp và pháp luật cho phép, đồng thời, phải tuân theo các quy định do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định đối với từng ngành nghề cụ thể.

Theo đó, trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ của mình, Bộ Nội vụ ra quyết định trong quá trình tổ chức thành lập, các quy định về chức năng, hoạt động của các tổ chức hội và các tổ chức phi chính phủ, trong đó có các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đồng thời, thực hiện quản lý nhà nước đối với các hội này. Khoản 12, Điều 2, Nghị định số 34/2017/NĐ-CP, ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về *chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ*, quy định rõ, Bộ Nội vụ giúp Chính phủ: 1) Thống nhất quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện...; 2) Hướng dẫn thực hiện các quy định của Chính phủ về trình tự, thủ tục thành lập; chia, tách... đối với hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ trong nước; 3) Quyết định việc cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập, hợp nhất; giải thể; phê duyệt điều lệ, cấp giấy phép đối với hội... có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh...; 4) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về hội, quỹ xã hội... (Chính phủ, 2017a). Thông qua các quy định, giấy phép về điều lệ của từng tổ chức xã hội - nghề nghiệp, một mặt, vừa tạo điều kiện, cơ chế hoạt động cho từng tổ chức, mặt khác, vừa làm rõ trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn chuyên ngành đối với hoạt động của các hội.

Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam quy định rõ: Hội Luật gia Việt Nam là “tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, thống nhất, tự nguyện của các luật gia trong cả nước, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (Hội Luật gia Việt Nam, 2019). Điều lệ quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy và nguyên tắc hoạt động... của Hội. Còn đối với Hội Nhà văn Việt Nam, tại Điều 4 và Điều 5 của Điều lệ Hội quy định rõ nguyên tắc tổ chức hoạt động và mối quan hệ của hội. Theo đó, Hội Nhà văn Việt Nam là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam và có quan hệ hoạt động về chuyên môn với các Hội văn học nghệ thuật chuyên ngành, các Hội văn học nghệ thuật địa phương và các cơ quan, đoàn thể ở Trung ương và địa phương (Hội Nhà văn Việt Nam, 2005). Điều 3, Điều lệ Tổng hội Xây dựng Việt Nam, quy định rõ nguyên tắc tổ chức

và hoạt động của Tổng hội là tự nguyện, tập trung, dân chủ, thiểu số phục tùng đa số, tự quản, tự trang trải kinh phí, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi mặt hoạt động của Tổng hội; hoạt động theo pháp luật của Nhà nước và *chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng* về lĩnh vực Tổng hội hoạt động (Tổng hội Xây dựng Việt Nam, 2004), v.v..

Như vậy, việc quản lý tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp qua các luật, quy định không chỉ thuộc về các cơ quan quản lý nhà nước nói chung mà còn thuộc về các bộ, các cơ quan chuyên môn chuyên ngành đối với từng hội đặc thù cụ thể. Chẳng hạn, sự quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng đối với các lĩnh vực hoạt động của Tổng hội Xây dựng Việt Nam; sự tác động của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, các Hội văn học nghệ thuật chuyên ngành và các Hội văn học nghệ thuật địa phương về chuyên môn đối với Hội Nhà văn Việt Nam, nói trên.

Nhiều Bộ, ngành, cơ quan chức năng, thông qua việc hỗ trợ hội hoạt động và giao nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức nghề nghiệp trực thuộc ngành cũng là một cách trong định hướng và quản lý các hoạt động của hội. Ví dụ: Bộ Khoa học và Công nghệ hằng năm đã mạnh dạn giao cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, với tổng giá trị trên 20 tỷ đồng/năm. Một số bộ đã tạo điều kiện cho hội tham gia các ban soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị định... hoặc giao hội cấp chứng chỉ hành nghề, như Bộ Tài chính chuyển giao chức năng quản lý hoạt động nghề nghiệp kiểm toán, kế toán cho Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam, hay Bộ Giao thông - Vận tải giao cho Hiệp hội Chủ tàu cấp chứng chỉ chứng nhận nghiệp vụ đối với người đi biển... (Nguyễn Minh Phương, 2017). Đồng thời, tiến hành thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ đối với hội hoạt động trong lĩnh vực do Bộ quản lý và phân công bộ phận tham mưu giúp Bộ thực hiện quản lý nhà nước đối với hội.

Thứ ba, thông qua các cơ quan chuyên môn chuyên ngành, các bộ, ngành, cơ quan nhà nước ở Trung ương, tỉnh, thành phố và địa phương đối với việc hoạt động của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Theo đó, nhiều tổ chức xã hội - nghề nghiệp, ngoài chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước nói chung, còn chịu sự quản lý của các bộ, ngành chủ quản về nghề, nhóm ngành nghề. Hoặc, những quy định về nghĩa vụ của các tổ chức thành viên trong liên hiệp các hội đang là cơ sở để quản lý hoạt động của từng hội cũng như của cả liên hội.

Khoản 22, Điều 2, Nghị định số 75/2017/NĐ-CP, ngày 20/6/2017, *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế*, ghi rõ: Bộ Y tế có trách nhiệm quản lý các hội hoạt động thuộc lĩnh vực, phạm vi chịu sự quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật. Các quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ về chuyên môn cũng tạo cơ sở cho việc quản lý về chuyên môn đối với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc ngành y (Chính phủ, 2017b). Tương tự như vậy, tại Điều 2 về nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Xây dựng, cũng có quy định về trách nhiệm quản lý các hội nghề nghiệp liên quan đến xây dựng và các quy định cơ sở cho việc quản lý hoạt động của các tổ chức này (Chính phủ, 2017c).

Điều lệ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tại Điều 10 quy định các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của trí thức khoa học, hoạt động trong phạm vi toàn quốc, được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được quyền tự nguyện tham gia Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Song, khi đã tự nguyện tham gia thì có những quyền được quy định tại Điều 11;

có nghĩa vụ: (1). Tuân thủ Điều lệ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu toàn quốc, của các hội nghị Hội đồng Trung ương và của Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; (2). Tham gia các hoạt động nhằm góp phần mở rộng ảnh hưởng và nâng cao vị thế của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; vận động các tổ chức hội thành viên chuyên ngành và các hội viên khác hưởng ứng các hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; (3). Đoàn kết, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động giữa các hội thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; Đóng góp nguồn lực cho hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam theo quy định của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (Thủ tướng Chính phủ, 2015).

Thứ tư, thông qua Luật Báo chí và các văn bản có liên quan đến quản lý báo chí, thông tin khác, Nhà nước, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã điều chỉnh, định hướng các hoạt động của hệ thống các cơ quan báo chí thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp...

Điều 4, Luật Báo chí nước ta quy định, báo chí là “phương tiện thông tin thiết yếu đối với đời sống xã hội; là cơ quan ngôn luận của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; là diễn đàn của Nhân dân” (Quốc hội, 2016a). Do vậy, báo chí nói chung, thuộc các tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng, cần: i) Thông tin trung thực về tình hình đất nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của Nhân dân; ii) Tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước...; góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa lành mạnh của Nhân dân, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc...; iii) Phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội; làm diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của Nhân dân; iv) Phát hiện, nêu gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới, điển hình tiên tiến; đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội; v) Góp phần giữ gìn sự trong sáng và phát triển tiếng Việt, tiếng của các dân tộc thiểu số Việt Nam; vi) Mở rộng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước và các dân tộc... (Quốc hội, 2016a). Luật này cũng quy định rõ *Nội dung quản lý nhà nước về báo chí* (Điều 6) và *Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí* (Điều 7) và *Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động báo chí* (Điều 9), v.v.. Đây là các nội dung cho phép quản lý, định hướng các hoạt động của báo chí nói chung, các cơ quan báo chí thuộc các tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng. Qua đó góp phần để báo chí trở thành một bộ phận quan trọng trong đời sống xã hội, góp phần với Đảng, Nhà nước và Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

3. Hạn chế trong quản lý các tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, hệ thống pháp luật về hội còn thiếu và chưa phù hợp, nhất là trong điều kiện nước ta đang tích cực hội nhập, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ.

Xu hướng dân chủ hóa đời sống xã hội với nhiều quyền công dân được hiện thực hóa và bảo đảm thực hiện, trong đó có quyền lập hội nói chung, quyền lập các tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng. Nhiều tổ chức xã hội - nghề nghiệp với những quy mô, hình thức (liên đoàn, tổng hội, hội...) và phạm vi hoạt động khác nhau (cả nước, từng địa phương, ngành, liên ngành...), đã được thành lập. Có các hội nghề nghiệp được thành lập mang tính phạm vi toàn quốc, có hội mang tính phạm vi hẹp hơn, ở cấp tỉnh, thành phố; có hội với quy mô một nhóm ngành nghề gần, có liên đới nhau, được thành lập; có hội đã có những quan hệ nghề nghiệp xuyên quốc gia; có những hội mang tính đặc thù được thành lập theo sáng kiến của nhà nước; có hội được thành lập theo sáng kiến của ngành chủ quản, của cá nhân hoặc nhóm công dân cùng nghề... Nhìn chung, các hội, dù sáng kiến từ đâu, quy mô hoạt động rộng hay hẹp... song đều đang có nhiều đóng góp tích cực trong đời sống xã hội, tham gia san sẻ các hoạt động mà Nhà nước làm chưa hiệu quả, hoặc những hoạt động Nhà nước có thể phân quyền cho cá nhân, tổ chức xã hội có khả năng thực hiện hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, hệ thống pháp luật liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức xã hội nói chung, tổ chức xã hội nghề nghiệp nói riêng còn thiếu và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của công dân trong tổ chức và hoạt động của hội nghề nghiệp. Trong một số ngành nghề cụ thể, với đặc thù phức tạp, có ảnh hưởng trực tiếp tới xã hội, việc thiếu các quy định mang tính khung pháp lý song có nhiều quy định mang tính thủ tục nhưng vô hình chung lại trở thành các rào cản cho việc tổ chức và hoạt động của hội nghề nghiệp. Chẳng hạn như, trong những hội liên quan đến nghề y chẳng hạn, để thực hiện được nghề, các yêu cầu về chứng chỉ, bằng cấp là cần thiết, song việc yêu cầu về đầu tư thiết bị, máy móc với giá trị lớn, thì không phải ai, tổ chức nào cũng có thể đủ điều kiện đầu tư ngay được... Một số thủ tục thành lập hội còn khá phức tạp, một số tiêu chí xét duyệt đơn đăng ký của các hội là không cần thiết, làm mất nhiều thời gian.

Trong nhiều năm qua, việc xây dựng hệ thống pháp luật về hội vẫn đang tiếp tục được thực hiện, nhưng trên thực tiễn, còn thiếu một chiến lược tổng thể và những bước đi phù hợp trong việc xây dựng một thể chế pháp luật về hội hoàn thiện. Riêng dự thảo Luật về Hội, đã được lấy ý kiến và thảo luận nhiều lần trong Quốc hội, song hiện vẫn chưa có nhiều tiến triển, chứ chưa nói đến việc thông qua và tổ chức thực hiện. Một số quy định mang tính luật, theo thời gian đã dần thiếu phù hợp hoặc trở thành lạc hậu, bất cập, thậm chí cản trở, vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời hoặc bãi bỏ... Luật và các văn bản mang tính luật vẫn chưa phân biệt rõ các hội nghề nghiệp do Đảng và Nhà nước có nhu cầu thành lập được bảo đảm kinh phí hoạt động với các hội nghề nghiệp khác hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và tự lo kinh phí.

Thứ hai, còn chồng chéo, bất cập trong việc phân định quản lý các tổ chức xã hội - nghề nghiệp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các cơ quan chủ quản chuyên ngành; giữa cấp trung ương và địa phương.

Với nhiều loại hình tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quy mô và hoạt động, phạm vi ảnh hưởng khác nhau, dẫn đến yêu cầu trong quản lý khác nhau. Theo quy định thì, những hội nghề nghiệp có phạm vi hoạt động rộng (toàn quốc) hoặc gây ảnh hưởng lớn sẽ được cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương cho phép tổ chức và hoạt động, thông qua điều lệ quy định cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ. Các hội xã hội nghề nghiệp có quy mô hẹp

(ở tỉnh, thành phố), hoặc ngành hẹp sẽ do cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương hoặc cơ quan chuyên ngành hẹp cấp phép. Tuy nhiên, trong thực tế, việc cấp phép cho hội nghề nghiệp vẫn còn có sự chồng chéo nhất định hoặc mang tính hình thức. Một số hội đồng thời phải chịu sự quản lý và điều chỉnh của nhiều cơ quan quản lý khác nhau, hoặc chịu sự điều chỉnh bởi nhiều luật, quy định mang tính luật khác nhau.

Hiện nay, theo quy định thì, trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hội thuộc Bộ Nội vụ, còn trách nhiệm của bộ, ngành là quản lý về lĩnh vực hoạt động của hội. Do vậy, trong khi Bộ Nội vụ có thẩm quyền cấp giấy đăng ký thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, tạm đình chỉ, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ và công nhận chức danh người đứng đầu của hội, song vai trò của bộ, ngành về những vấn đề này rất ít, và ngược lại, việc quản lý hoạt động chuyên môn của hội lại do bộ, ngành quản lý, trong khi đó vai trò của Bộ Nội vụ lại không có. Hơn nữa, với các tổ chức hội (đa ngành, đa lĩnh vực) do nhiều cơ quan nhà nước cùng quản lý với nhiều quy định khác nhau, nên khả năng dẫn đến chồng chéo, trùng lặp là tất yếu và có thể gây khó khăn, cản trở cho hoạt động của hội, hoặc có sự đùn đẩy, né tránh làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước về hội. Chẳng hạn như, các hội hoạt động mang tính chất toàn quốc chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ hoặc các hội có phạm vi hoạt động cấp tỉnh, chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, song về chuyên môn lại chịu sự quản lý của một hoặc nhiều bộ, ngành chủ quản, mà chưa được cụ thể hóa, hoặc quy định chưa rõ, do đó, cũng gây khó khăn cho hoạt động của hội và điều này, cũng ảnh hưởng nhất định tới sự quản lý hội của các cơ quan chức năng liên quan. Hơn nữa, trong một số trường hợp do thiếu đầu mối thống nhất quản lý nên việc tuân theo quy định của các hội nghề nghiệp cũng có những bất cập.

Theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, ngày 21-4-2010, của Chính phủ, *quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội*, tại Điều 36 quy định về *quản lý nhà nước đối với hội*; Điều 37 quy định về *nhiệm vụ quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với hội hoạt động thuộc lĩnh vực Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý trong phạm vi cả nước*; Điều 38 quy định *nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh*; và nhiều quy định khá rõ quản lý nhà nước với tổ chức và hoạt động của hội nói chung, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng. Tuy nhiên, ở một số hội nhất định, ngoài các quy định trên, còn phải tuân theo các luật và quy định khác, ví dụ: Liên đoàn Luật sư Việt Nam phải tuân theo Luật Luật sư; Hiệp hội Công chứng tuân theo Luật Công chứng; các tổ chức báo chí thuộc Hội Nhà báo phải tuân theo Luật Báo chí; v.v..

Các hội nghề nghiệp được thành lập theo sáng kiến của nhà nước, với tên là hội chính trị - xã hội - nghề nghiệp, nên nhiệm vụ mang tính song trùng, nhưng về nguyên tắc chủ yếu thực hiện nhiệm vụ chính trị, nên tính nghề nghiệp sẽ có những hạn chế nhất định. Chẳng hạn như, việc phát huy trí tuệ của các thành viên cũng phần nào hạn chế, do cơ cấu tổ chức, bộ máy và hoạt động liên quan đến chức năng hành chính nhà nước.

Một số hội mang tính chuyên môn nghề nghiệp cao như các hội về nghề y, ngoài tuân thủ các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước nói chung, còn phải tuân thủ các quy định của các cơ quan chuyên môn chuyên ngành. Do vậy, trong một số trường hợp nhất định, việc tuân thủ quy định từ chuyên môn, hoặc do tính thời sự, cấp thiết, phải thực hiện nghề nghiệp chuyên môn, có thể ảnh hưởng đến các quy định quản lý chung của nhà nước.

Hơn nữa, trong một số trường hợp, các quy định về quyền và nghĩa vụ của hội còn chung chung, thiếu cụ thể, hoặc chưa có quy định mang tính luật. Do đó, trên thực tế rất khó thực thi, hoặc thực thi không hiệu quả. Chẳng hạn, các quy định về việc tham gia xây dựng các chính sách, cơ chế liên quan trực tiếp đến hệ thống tổ chức bộ máy, đến chức năng và nhiệm vụ, nhất là liên quan đến quyền hạn về lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp của hội; trong việc xây dựng chức năng tham gia thực hiện một số hoạt động quản lý nhà nước, dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động của hội, hay quyền tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với chính sách, chương trình, đề tài, dự án do cơ quan nhà nước yêu cầu về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của hội rất khó thực hiện do quy chế chưa được ban hành (Nguyễn Minh Phương, 2017).

Thứ ba, một số tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thành lập và hoạt động song không hiệu quả, còn hành chính hóa, mức độ trao đổi, giao lưu và hợp tác, chia sẻ về nghề nghiệp chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của hội viên. Một số khác chạy theo lợi nhuận, không theo đúng tôn chỉ mục đích thành lập, làm giảm uy tín của hội viên, gây tác động xấu trong xã hội. Trong khi đó, việc quản lý, định hướng, kiểm tra, giám sát và xử phạt của các cơ quan quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành còn chậm và kém hiệu quả; chế tài xử chưa nghiêm.

Sự ra đời của các hội nghề nghiệp cũng góp phần nâng cao năng lực, bồi dưỡng nghề nghiệp, đạo đức nghề cho hội viên; tham mưu, tư vấn và đóng góp xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến nghề nghiệp, qua đó bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên; tham gia phản biện, giám sát xã hội, các chính sách, pháp luật liên quan, ảnh hưởng đến hoạt động của hội và ngành nghề liên quan.

Tuy nhiên, trong trường hợp các hội hoạt động kém hiệu quả, vi phạm các quy định của pháp luật hoặc điều lệ của hội, song do thiếu quy định hoặc quy định chưa cụ thể, nên việc tạm đình chỉ hoạt động, thậm chí rút giấy phép hoạt động, thu hồi con dấu của tổ chức còn có những bất cập nhất định.

Thứ tư, vẫn còn sự bất bình đẳng nhất định trong việc quản lý, tạo điều kiện cho hoạt động của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Thực tế hiện nay vẫn có những quy định mang tính đặc thù với các hội nghề nghiệp khác nhau, từ đó có những sự phân biệt, đối xử, quản lý cũng khác nhau. Các hội có tính chất đặc thù với các ưu đãi nhất định, được hưởng một số quyền “đặc thù” như: tham gia xây dựng cơ chế, chính sách; được cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao; được cung cấp và bảo đảm kinh phí để thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao và hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động thực hiện một số hoạt động quản lý nhà nước, dịch vụ công; được tư vấn, phản biện và giám sát xã hội... Đây thường là các hội có tính đặc thù, có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống xã hội và được thành lập theo sáng kiến của Nhà nước, như: Hội Nhà báo, Hội Luật gia, Hội Nhà văn,... Do vậy, trong nhiều trường hợp có thể gây ra tình trạng thiếu công bằng giữa các hội và dễ dẫn đến cơ chế “xin - cho”, và việc coi trọng hội này, xem nhẹ hội khác vẫn có thể xảy ra.

Hơn nữa, nhiều hội nghề nghiệp do cơ quan bộ ngành chủ quản có khả năng tài chính và cơ chế giao nhiệm vụ thuận tiện đã chủ động giao nhiều đề tài, dự án, chương trình cho các hội nghề nghiệp trong ngành thực hiện. Do vậy, hoạt động của các hội này khá sôi động

và ngoài đóng góp sản phẩm nghiên cứu có hiệu quả nhất định cho ngành dọc, còn vừa góp phần nâng cao nghề nghiệp chuyên môn, ngành, vừa nâng cao lợi ích của hội viên. Ngược lại, một số hội nghề nghiệp, do kinh phí đóng góp hạn hẹp, đầu tư từ bộ ngành chủ quản ít, nên hoạt động ít và kém sôi động, hạn chế khả năng bảo vệ và nâng cao lợi ích cho hội viên.

Các quy định về chính sách, chế độ đối với người làm việc tại hội còn những hạn chế, bất cập, và trên thực tế có sự chênh lệch giữa hội mang tính chất nghề nghiệp do nhà nước, các cơ quan nhà nước thành lập với hội nghề nghiệp do các cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thành lập. Do vậy, có sự so bì giữa các hội này. Đôi khi, các hội được nhà nước thành lập, song do bộ máy công kênh, hành chính hóa, nên hoạt động kém hiệu quả, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, dẫn tới không đáp ứng được nhu cầu, lợi ích của hội viên.

4. Nguyên nhân của thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong quản lý các tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở Việt Nam hiện nay

4.1. Nguyên nhân của thành tựu

Một là, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ngày càng khẳng định và đánh giá cao vị trí và vai trò của các tổ chức xã hội nói chung, của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng.

Từ khi đổi mới đến nay, với việc khẳng định “lấy dân làm gốc”, Đảng ta đã đề ra nhiều Nghị quyết định hướng việc mở rộng dân chủ, nâng cao quyền làm chủ của nhân dân, trong đó có quyền lập hội và tổ chức hoạt động hội. Nghị quyết Trung ương 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI nhấn mạnh: “*các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng*. Cùng với các đoàn thể chính trị - xã hội, trong giai đoạn mới cần thành lập những tổ chức quần chúng đáp ứng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống của nhân dân, hoạt động theo hướng ích nước, lợi nhà, tương thân, tương ái” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007, tr.84). Đại hội VII của Đảng khẳng định: Hình thức tổ chức và sinh hoạt của đoàn thể phải đa dạng, đáp ứng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống nhân dân, ích nước, lợi nhà... hướng về cơ sở, sát với đoàn viên, hội viên (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991). Đại hội IX yêu cầu, sớm ban hành Luật về Hội, khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận mà vì lợi ích chung, vì lợi ích của nhân dân... (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001). Đại hội X đã đánh giá cao vai trò của các hội trong phát triển kinh tế xã hội (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006). Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, sửa đổi năm 2011) yêu cầu tăng cường vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội nói chung và tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011); v.v..

Hai là, sự cụ thể hóa kịp thời đường lối, chính sách của Đảng qua các quy định pháp luật của Nhà nước và các bộ, ban, ngành. Theo đó, điển hình là Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Quyết định số 22/2002/TTg, ngày 30/1/2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam,...

Các văn bản luật như Luật Báo chí, Bộ luật Dân sự, Pháp lệnh Luật sư... cũng có nhiều quy định trong tổ chức và hoạt động hội, hội nghề nghiệp.

Ba là, sự tuân thủ pháp luật, các quy định của cơ quan quản lý nhà nước nói chung, các bộ, ban ngành chức năng nói riêng của các tổ chức hội và hội viên, thành viên của các tổ chức này.

Bốn là, sự sát sao của các cơ quan quản lý nhà nước, bộ, ban, ngành và thành công từ quá trình đổi mới do Đảng khởi xướng, lãnh đạo.

4.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, tuy đã có nhiều văn bản pháp luật trong quản lý tổ chức và hoạt động của hội nói chung, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng, song quá trình tổ chức thực hiện còn những bất cập nhất định.

Hai là, việc Việt Nam phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; chủ động hội nhập quốc tế và tham gia ký kết, thực hiện nhiều hiệp định, định chế kinh tế, tài chính, văn hóa và xã hội cũng xuất hiện những vấn đề liên quan đến dân chủ, quyền dân chủ, các quyền về tự do dân chủ, trong đó có quyền lập hội. Do vậy, để hòa nhập vào sân chơi chung thì sẽ có các quy định trong pháp luật Việt Nam phải bổ sung, sửa đổi cho phù hợp. Ví như, khi việc Việt Nam tham gia vào Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), với các quy định về cho phép thành lập tổ chức của công nhân trong các doanh nghiệp ngoài hệ thống công đoàn hiện có ở Việt Nam, đã và đang buộc các cơ quan chức năng phải nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về luật để đáp ứng quy định của Hiệp định, đồng thời, có cơ sở để quản lý và định hướng các tổ chức trên theo mục tiêu của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Ba là, một số cá nhân, tổ chức hội thực hiện không nghiêm các quy định về điều lệ của tổ chức đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Một số hội còn y lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, tổ chức và hoạt động còn hành chính hóa, chưa đáp ứng đầy đủ trong việc bảo vệ nhu cầu và lợi ích hợp pháp của hội viên.

Bốn là, một số cá nhân, tổ chức chống đối Việt Nam cũng lợi dụng quyền tự do dân chủ, trong đó có quyền lập hội để gây tác động ảnh hưởng, lợi dụng hội để đòi can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta.

4.3. Những vấn đề đặt ra trong quản lý các tổ chức xã hội - nghề nghiệp hiện nay

Thứ nhất, xu thế dân chủ với việc xuất hiện ngày càng nhiều các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các loại hình khác đặt yêu cầu phải định hướng và quản lý cho phù hợp, không chỉ với đặc thù Việt Nam, mà còn bảo đảm với thông lệ và các quy ước quốc tế chung mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

Thứ hai, tính đa dạng và đặc thù của các loại hình tổ chức xã hội nói chung, tổ chức xã hội - nghề nghiệp nói riêng, sự đan xen trong các quan hệ nghề nghiệp mang tính xuyên quốc gia và quốc tế, đang đặt yêu cầu cần nghiên cứu, tổng kết, đánh giá về hệ thống quy phạm pháp luật về hội, hội nghề nghiệp, để có những sửa đổi, bổ sung phù hợp với xu thế chung.

Thứ ba, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi nhiều kết cấu nghề nghiệp trên hai phương diện, nhiều nghề nghiệp truyền thống có nguy cơ bị xoá bỏ (cho dù đây là xu thế tất yếu); nhiều nghề nghiệp mới sẽ xuất hiện; đồng thời, tính đan xen, tác động lẫn nhau giữa nhiều nghề để tạo thành nhóm nghề hay hình thành một nghề tổng hợp mới... Điều này tất yếu sẽ phải cải tổ, xoá bỏ nhiều nghề, và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp liên quan sẽ phải giải thể, nhường chỗ cho nhóm nghề, tổ chức nghề mới ra đời, dẫn tới một số quy định trong quản lý nói chung, quản lý nghề cụ thể sẽ trở thành lạc hậu và cần phải loại bỏ, do đó sẽ xuất hiện các quy định mới.

Thứ tư, việc đánh giá vị trí, vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác nhau có sự bất cập nhất định, nhất là trong mối quan hệ với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thành lập theo sáng kiến của Nhà nước và các cơ quan nhà nước, và mang tính chính trị nhất định.

5. Kết luận

Trong một nhà nước pháp quyền, nhất là khi xây dựng nhà nước đó theo định hướng xã hội chủ nghĩa như ở Việt Nam, thì việc quản lý mọi hoạt động của đời sống xã hội là một yêu cầu tất yếu. Điều này không chỉ bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, mà còn bảo đảm cho mọi hoạt động của công dân, tổ chức, trong đó có hoạt động lập hội và tổ chức thực hiện vai trò, chức năng của hội, được bảo đảm về quyền dân chủ, song không làm ảnh hưởng đến quyền dân chủ của cá nhân, tổ chức khác, và nhất là ảnh hưởng đến lợi ích chung của quốc gia, dân tộc. Quản lý tổ chức xã hội - nghề nghiệp của Nhà nước Việt Nam hiện nay đang hướng theo những mục tiêu đó. Tuy rằng còn có những bất cập nhất định trong quá trình quản lý các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, song xu hướng chung sẽ dần định hình theo hướng luật hóa, minh bạch và hiệu quả hơn, bảo đảm quá trình quản lý ngày càng hoàn thiện, phù hợp với mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân và vì dân.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.50, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Quốc hội (2013a), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, *Công báo*, số 1003 + 1004, ngày 29/12/2013.
7. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự*, *Công báo*, số 1243 + 1244, ngày 28/12/2015.

8. Quốc hội (2016a), *Luật Báo chí, Công báo*, số 339 + 340, ngày 18/5/2016.
9. Quốc hội (2016b), *Luật Luật sư, Công báo*, số 137 + 138, ngày 31/1/2016.
10. Chính phủ (2017a), *Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 3/4/2017 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-34-2017-ND-CP-quy-dinh-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-Bo-Noi-vu-321594.aspx>, truy cập ngày 15/6/2021.
11. Chính phủ (2017b), *Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20-6-2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế*, nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-75-2017-ND-CP-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-Bo-Y-te-352896.aspx>, truy cập ngày 17/6/2021.
12. Chính phủ (2017c), *Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17-7-2017 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-81-2017-ND-CP-quy-dinh-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-cua-Bo-Xay-dung-355418.aspx>, truy cập ngày 17/6/2021.
13. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1957), *Sắc lệnh số 102/SL/L-004*, <http://vbpl.vn/bonoivu/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=143015>, truy cập ngày 19/6/2021.
14. Hội Luật gia Việt Nam (2019), *Điều lệ Hội Luật gia Việt Nam*, <http://hoiluatgiavn.org.vn:8080/dieu-le-hoi-luat-gia-viet-nam-d2227.html>, truy cập ngày 18/6/2021.
15. Hội Nhà văn Việt Nam, (2005), *Điều lệ Hội Nhà văn Việt Nam*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/quyen-dan-su/quiet-dinh-69-2005-qd-bnv-dieu-le-hoi-nha-van-viet-nam-sua-doi-20953.aspx?v=d>, truy cập ngày 18/6/2021.
16. Nguyễn Minh Phương (2017), “Một số vấn đề về hội và quản lý nhà nước đối với hội ở nước ta hiện nay”, https://tcnn.vn/news/detail/36724/Mot_so_van_de_ve_hoi_va_quan_ly_nha_nuoc_doi_voi_hoi_o_nuoc_ta_hien_nayall.html, truy cập ngày 18/6/2021.
17. Quốc hội (2013b), *Luật Công đoàn*, <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=27625&Keyword=>, truy cập ngày 18/6/2021.
18. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 1795/QĐ-TTg ngày 21/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê chuẩn Điều lệ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Quyet-dinh-1795-QD-TTg-phe-chuan-dieu-le-lien-hiep-cac-hoi-khoa-hoc-ky-thuat-Viet-Nam-2015-294132.aspx>, truy cập ngày 18/6/2021.
19. Tổng hội Xây dựng Việt Nam (2004), *Điều lệ Tổng hội Xây dựng Việt Nam*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Quyet-dinh-02-2004-QD-BNV-phe-duyet-ban-Dieu-le-Tong-hoi-Xay-dung-Viet-Nam-16879.aspx>, truy cập ngày 18/6/2021.